

Người học tự chủ và một vài lưu ý trong giảng dạy tiếng Anh tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc Gia Hà Nội

Đỗ Hà Lan*

*ThS, Khoa Tiếng Anh, Trường ĐHNN, ĐHQG Hà Nội

Received: 9/2/2023; Accepted: 13/2/2023; Published:

Abstract: *Learner autonomy, a notion which is rooted in European philosophy, has attracted more and more attention in worldwide university education. Its importance in language acquisition has been widely recognized. This paper is looking at a number of definitions of learner autonomy, language learner autonomy, its importance as well as different ways of categorizing language learner autonomy in terms of its levels. Basing on the current situation of learning and teaching English at the University of Economics and Business, Vietnam National Univeristy, Hanoi and some of the research on this issue worldwide, some suggestions have been proposed to promote language learner autonomy among UEB students.*

Keywords: *Autonomy, learner autonomy, language learner autonomy*

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, khái niệm người học tự chủ (“learner autonomy”) ngày càng thu hút được sự chú ý của những người làm trong ngành giáo dục ở Việt Nam cũng như trên thế giới. Theo thời gian, các nhà giáo dục ngày càng ý thức được sự tự chủ của người học đóng vai trò cốt lõi trong việc cải thiện chiến lược học của bản thân, cũng như tạo động lực bên trong cho quá trình học tập. Tầm quan trọng của tự chủ trong học tập được công nhận một cách rộng rãi trong việc dạy và học ngoại ngữ nói chung, cũng như việc dạy và học tiếng Anh nói riêng (Smith, 2008). Nghiên cứu về quan niệm và thực tế giảng dạy của GV về tự chủ học tập của Borg và Al-Busaidi (2012) cho thấy phần lớn các giảng viên (GV) tiếng Anh tham gia khảo sát đều nhận thấy ảnh hưởng tích cực của tự chủ học tập đối với quá trình học ngoại ngữ của sinh viên (SV).

SV không chuyên về ngoại ngữ tại các trường của Đại học Quốc gia Hà Nội bắt đầu từ khóa QH2022 được áp dụng một chính sách mới trong việc học ngoại ngữ. Giờ đây, SV không chỉ cần đáp ứng yêu cầu có chuẩn đầu ra theo các bậc khác nhau tùy theo chuyên ngành đào tạo mà còn phải thi được một trong số các chứng chỉ Ngoại ngữ có uy tín như IELTS, TOEFL, hay VSTEP.3-5. Việc học ngoại ngữ ở các trường thành viên trong Đại học Quốc gia Hà Nội dành cho SV không chuyên được tiến hành trong khoảng thời gian tương đối ngắn (từ 75 tiết học tiến hành trong một học kì đến 150 tiết trong 2 học kì) khiến vai trò của tự học và tự chủ học tập của SV trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Chính vì vậy, tự chủ trong học tập hiện đã trở thành một phần quan trọng

trong việc dạy học ngoại ngữ nói chung, và dạy học tiếng Anh nói riêng tại trường Đại học Quốc gia Hà Nội. Nghiên cứu này, cũng vì thế, nhằm mục đích đi tìm hiểu về khái niệm người học tự chủ trong việc học tiếng Anh và dựa trên một số nghiên cứu và tình hình cụ thể, đưa ra một số lưu ý về việc dạy học tiếng Anh tại trường Đại học Kinh Tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Định nghĩa người học tự chủ (learner autonomy)

Được chính thức nhắc đến lần đầu tiên trong dự án Modern Languages Project của cộng đồng Châu Âu (Benson, 2006), khái niệm người học tự chủ (learner autonomy) trong báo cáo của Holec (1981) về lí thuyết và thực tiễn giáo dục dành cho người trưởng thành được định nghĩa là “khả năng chịu trách nhiệm về việc học của bản thân” (p. 3). Cho đến nay, cho dù nhiều định nghĩa về người học tự chủ đã được các nhà nghiên cứu khác đưa ra, định nghĩa của Holec (1981) vẫn được công nhận rộng rãi và được trích dẫn nhiều nhất (Benson, 2006). Holec (1981) coi tự chủ là một phẩm chất của người học, cho thấy người học chủ động quyết định không chỉ cách thức học, nội dung học mà còn cả mục đích của việc học, việc lên kế hoạch, giám sát và tự đánh giá quá trình học của bản thân. Nhìn nhận mối tương quan giữa người học tự chủ và hoàn cảnh học tập, Dickinson (1987:11) mô tả tự chủ là “hoàn cảnh trong đó người học hoàn toàn chịu trách nhiệm về các quyết định có liên quan tới việc học và việc thi hành các quyết định đó.” Nhấn mạnh đến khía cạnh tâm lí của người học tự chủ, Little (2000a: 69 như

được trích dẫn trong Benson (2006)) coi việc tự chủ “phụ thuộc vào việc phát triển và thực thi năng lực tự lập, tư duy phê phán, ra quyết định và hành động độc lập.” Đồng tình với Holec (1981), Little (2000a: 69) cũng cho rằng “người học tự chủ chịu trách nhiệm quyết định mục đích, nội dung, nhịp độ và cách thức tiến hành học tập, tự giám sát tiến trình và tự đánh giá kết quả thu được.” Dam (1995) nhấn mạnh tự chủ trong học tập đưa tới “khả năng và mong muốn hành động độc lập và hợp tác với người khác, với tư cách là một người có trách nhiệm trong xã hội” (p.1). Benson (1997) lại cho rằng người học tự chủ là vấn đề thuộc về quyền của người học hay tự do thoát khỏi các ràng buộc của người học, mang đến cơ hội thay đổi xã hội. Như vậy, có thể thấy là, dù được định nghĩa dưới các khía cạnh khác nhau, việc tự chủ trong học tập có thể được hiểu là các năng lực cho thấy việc người học tự chịu trách nhiệm về việc học của mình. Tự chủ cũng là quyền mà người học có, được thể hiện trong việc người học tự đưa ra các quyết định liên quan đến quá trình học tập của bản thân và tùy vào hoàn cảnh, tự chủ học tập của người học có thể được phát huy hay bị hạn chế.

2.2. Vai trò của người học tự chủ trong việc dạy tiếng Anh và một vài lưu ý

Deci, một nhà tâm lý xã hội học người Mỹ từng khẳng định, tự chủ (autonomy) là một trong ba nhu cầu cơ bản cần phải được đáp ứng để mỗi cá nhân có thể đạt được sự thỏa mãn (self-fulfilment). Deci (1996) cũng đưa ra quan điểm, người tự chủ học tập cũng chính là người tìm được cảm giác thỏa mãn đối với quá trình học tập của bản thân, và vì thế, cũng chính là người học có động lực nhất. Chính vì vậy, bắt đầu từ thập niên 90 của thế kỉ 20, ngày càng có nhiều khung chương trình học ngôn ngữ nói chung, và tiếng Anh nói riêng đưa người học tự chủ thành một trong những mục tiêu chính, dù cho đôi chỗ, tự chủ vẫn được thể hiện bằng các thuật ngữ khác như khả năng học độc lập (independent learning) hay tư duy phê phán (critical thinking). Little (2007) cho rằng xu thế này đánh dấu một bước chuyển biến cơ bản, cho thấy tự chủ trong học tập dường như đã trở thành vấn đề dù liên quan đến người học, nhưng không nhất thiết là chỉ do người học tiến hành. Vì lợi ích của người học, giờ đây, người học tự chủ ngày càng được các nhà nghiên cứu về tiếp thu ngôn ngữ, cũng như giáo học pháp xem xét trong mối tương quan với GV, với phương pháp giảng dạy, để sao cho có thể giúp người học phát huy cao nhất khả năng tự chủ học tập của bản thân.

Một khi người học có được sự tự chủ trong học tập tiếng Anh, tức là người học có quyền chủ động với việc học của mình, “người học có xu hướng nhiệt tình hơn với việc học” (Littlejohn, 1985:258). Lúc đó, việc học tiếng Anh sẽ trở nên tập trung và có mục đích hơn (Little, 1991). Đồng thời, Knowles (1975) cũng cho rằng sự tự chủ trong học tập có thể giúp người học trở nên độc lập trong quá trình học tập, vốn là một trong những cách giúp người học có thể đối phó với những thay đổi sẽ tới trong tương lai. Dựa trên quan điểm giáo học pháp, Candy (1988: như được trích dẫn trong Cotterall (1995)) khẳng định người học, nhất là những người trưởng thành sẽ học được nhiều hơn, và hiệu quả hơn khi họ có được sự tự chủ trong học tập (như được quyết định về tốc độ học, trình tự, cách thức hướng dẫn hay nội dung học). Người học cũng sẽ có cảm giác an tâm hơn. Còn theo Cotterall (1995) lợi ích thực tế nhất của việc tự chủ trong việc học tiếng Anh là ở chỗ “không phải lúc nào cũng có sẵn GV hướng dẫn” (p.227). Sự tự chủ trong việc học tiếng Anh sẽ giúp cho người học có thể chủ động hơn rất nhiều vì “không phải lúc nào cũng có sự hướng dẫn cần thiết để thông thạo” tiếng Anh (p.227) và “người học sẽ đạt được hiệu quả cao hơn trong quá trình học ngôn ngữ nếu không phải mất thời gian chờ GV cung cấp tài liệu hay giúp giải quyết các vấn đề” (p.227).

Như đã trình bày ở trên, các khóa học tiếng Anh tại trường Đại học Kinh Tế, Đại học Quốc gia Hà Nội được tiến hành trong khoảng thời gian khá hạn chế. Trước thực tế trình độ đầu vào của SV khá đa dạng khiến việc giảng dạy trên lớp gặp nhiều khó khăn, việc hỗ trợ SV trở thành người học tự chủ trong quá trình học tiếng Anh trở thành một trong số các giải pháp để đảm bảo SV có thể đạt được trình độ tiếng Anh đủ để thi các chứng chỉ quốc tế như IELTS, TOEFL hay chứng chỉ được công nhận trong nước như VSTEP.3-5. Từ những lợi ích mà tự chủ học tập trong việc học tiếng Anh mang lại cho người học, dựa trên các nghiên cứu về việc phát huy tự chủ học tập được tiến hành trên thế giới, sau đây là một số lưu ý cho việc dạy học tiếng Anh tại trường Đại học Kinh Tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Một là GV cần đánh giá mức độ tự chủ học tập của SV. Tự chủ học tập, như đã trình bày ở trên, là một khái niệm xuất phát từ hệ tư tưởng của phương Tây và thường bị coi là khái niệm không quen thuộc với người học trong hệ thống giáo dục của các nước phương Đông, đặc biệt là các nước chịu ảnh hưởng lâu dài của tư tưởng Nho giáo. Các nghiên cứu của

Ha & Lam (2010) và Phuong-Mai, Terlouw & Pilot (2006) cũng chỉ ra rằng SV Việt Nam thường quen với cách học phụ thuộc vào GV, cộng với ảnh hưởng của nền văn hóa không cổ xúy việc tương tác với GV, nhất là việc chất vấn GV khiến SV Việt Nam thường không quen với khái niệm cũng như các thực thi tự chủ trong học tập nói chung và học tiếng Anh nói riêng. Chính vì vậy, để có thể giúp SV phát triển được tự chủ học tập trong việc học tiếng Anh, GV trước hết cần đánh giá được mức độ tự chủ học tập của SV. Ba công cụ phổ biến GV có thể sử dụng để đánh giá mức độ tự chủ học tập bao gồm dùng các bản tự đánh giá (self-assessments), dùng portfolio, hoặc dùng phỏng vấn trực tiếp (interviews).

Hai là, để giúp người học có thể tự đưa ra các quyết định liên quan đến quá trình học tập của bản thân, Oxford (1990) cho rằng cần cung cấp cho người học các chiến lược và thủ thuật học tập. Tự học đóng một vai trò quan trọng trong việc giúp phát triển khả năng tự chủ học tập trong việc học tiếng Anh. Chính vì thế, GV cần kết hợp việc giới thiệu các chiến lược học tập cho SV vào quá trình dạy và học tiếng Anh. Quá trình này có thể được tiến hành song song trong khi giúp SV tiếp thu ngôn ngữ, hoặc có thể được tiến hành dưới dạng các buổi ban đầu giới thiệu các thủ thuật hỗ trợ, sau đó là hướng dẫn để SV có thể tiếp tục tìm hiểu và tự lựa chọn các hình thức phù hợp với bản thân.

Ba là, GV cần tạo môi trường học tập trên lớp theo hướng thuận lợi cho tự chủ học tập có thể được phát huy. Hiện giờ, SV được đăng kí học tiếng Anh theo các khung giờ khác nhau, như thế SV đã có quyền tự chủ trong việc chọn thời gian học tập cho phù hợp với mình. Tuy mục tiêu của khóa học đã được xác định từ trước, nhưng lịch trình của khóa học hiện giờ đã linh hoạt hơn, cho phép cả GV và SV có nhiều lựa chọn hơn về nguồn tài liệu, hay hoạt động cụ thể, miễn là có thể đáp ứng được mục đích của khóa học. Chính vì thế, GV có thể cho SV có thêm tiếng nói trong việc lựa chọn các hoạt động trên lớp để phát huy khả năng tự chủ học tập của SV.

Bốn là, theo nghiên cứu của Cottrel & Crabble (2008), mô hình giải quyết vấn đề (problem-solution framework) tỏ ra khá hiệu quả trong việc giúp GV có thể hiểu được các vấn đề người học đang gặp phải trong quá trình học ngôn ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng. Việc hiểu các nỗ lực học tập của người học là điều kiện tiên quyết để mỗi GV có thể giúp người học của mình trở nên tự chủ hơn trong học tập (p. 139). Chính vì thế, GV nên nghiên cứu mô hình này

để có thể áp dụng trong khi nói chuyện với SV.

Cuối cùng, Little (2007) cũng nhấn mạnh việc sử dụng nhật kí như một công cụ hết sức hữu hiệu trong việc phát huy khả năng tự chủ học tập của người học. Kiểu nhật kí Little gợi ý có thể dùng là Council of Europe's European Language Portfolio (Little, 2002), tương ứng với sáu mức trình độ của ngôn ngữ trong khung tham chiếu Châu Âu. GV có thể tham khảo và giới thiệu cho SV như một công cụ giúp SV có thể tự đánh giá, cũng như định hướng được việc học tiếng Anh của mình.

3. Kết luận

Tự chủ trong học tập nói chung và trong việc học tiếng Anh nói riêng thường là mong muốn không những của mỗi người học mà còn của cả các GV. Tự chủ học tập có thể là kết quả đạt được thông qua quá trình tương tác giữa GV và học viên trong đó GV tạo ra các hoàn cảnh và điều kiện để giúp người học phát huy tối đa khả năng tự đưa ra các quyết định liên quan đến quá trình học tiếng Anh của mình. Một khi người học trở thành người học tự chủ, họ sẽ dần có được sự tự chủ trong sử dụng tiếng Anh. Nghiên cứu này đi tìm hiểu về người học tự chủ nói chung và người học tự chủ trong việc học tiếng Anh nói riêng, vai trò của tự chủ học tập cũng như các mức độ của tự chủ học tập. Nghiên cứu cũng đưa ra một số lưu ý GV có thể cân nhắc trong quá trình dạy và học tiếng Anh ở trường Đại học Kinh Tế, Đại học Quốc gia Hà Nội để phát huy tự chủ học tập của SV dựa trên tình hình thực tế và một số các nghiên cứu về lĩnh vực này trên thế giới. Tuy nhiên, đây mới là nghiên cứu bước đầu, chủ yếu đi tìm hiểu về các quan điểm khác nhau về khía cạnh tự chủ học tập trong việc học tiếng Anh, sẽ cần có các nghiên cứu đi sâu tìm hiểu về tình hình thực tế về khả năng tự chủ học tập trong việc học tiếng Anh của SV Đại học Kinh Tế cũng như các nghiên cứu sư phạm (action research) về vấn đề phát huy tự chủ học tập của SV trong thời gian sắp tới.

Tài liệu tham khảo

1. Benson, P. (1997). The philosophy and politics of learner autonomy. In *Autonomy and Independence in Language Learning*, P. Benson & P. Voller (eds), pp 18-34. Harlow: Longman.
2. Benson, P. (2001). *Teaching and researching autonomy in language learning*. London: Longman.
3. Benson, P. (2006). Autonomy in language teaching and learning. *Language Teaching Journal* 40 pp 21-40.
4. Borg, S. & Al-Busaidi, S. (2012). Teachers' beliefs and practices regarding learner autonomy. *ELT Journal* 66(3) pp 283-292.